

Số: 1660 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 14 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập các thôn mới, khu dân cư mới trên địa bàn
các xã, phường trực thuộc thành phố Hải Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (khóa XVI) kỳ họp thứ chín về việc sắp xếp, sáp nhập, chia tách các thôn, khu dân cư để thành lập các thôn mới, khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh;

Xét Tờ trình số 303/TTr-SNV ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Sở Nội vụ về việc ban hành quyết định thành lập các thôn mới, khu dân cư mới trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập 50 thôn mới, khu dân cư mới (02 thôn, 48 khu dân cư) trên địa bàn các xã, phường trực thuộc thành phố Hải Dương. Cụ thể như sau:

1. Phường Trần Phú: Thành lập 06 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 1** trên cơ sở nhập toàn bộ 2,7 ha diện tích tự nhiên; 171 hộ gia đình, 510 nhân khẩu của khu dân cư 1 với toàn bộ 2,10 ha diện tích tự nhiên; 148 hộ gia đình, 530 nhân khẩu của khu dân cư 2.

Khu dân cư số 1 có diện tích tự nhiên 4,80 ha; số hộ gia đình 319 với 1.040 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Lê Thanh Nghị; Tây giáp khu dân cư số 2; Nam giáp Phường Lê Thanh Nghị; Bắc giáp khu dân cư số 2 và khu dân cư số 3

b) Thành lập **Khu dân cư số 3** trên cơ sở nhập toàn bộ 2,50 ha diện tích tự nhiên; 197 hộ gia đình, 532 nhân khẩu của khu dân cư 4 với toàn bộ 2,70 ha diện tích tự nhiên; 171 hộ gia đình, 740 nhân khẩu của khu dân cư 5.

Khu dân cư số 3 có diện tích tự nhiên 5,20 ha; 368 hộ gia đình với 1.272 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Lê Thanh Nghị; Tây giáp

Phường Phạm Ngũ Lão và Phường Nguyễn Trãi; Nam giáp khu dân cư số 1 và khu dân cư số 2; Bắc giáp khu dân cư số 4 và khu dân cư số 5.

c) Thành lập **Khu dân cư số 4** trên cơ sở nhập một phần 2,70 ha diện tích tự nhiên; 72 hộ gia đình, 237 nhân khẩu của khu dân cư 6 với toàn bộ 2,40 ha diện tích tự nhiên; 220 hộ gia đình, 602 nhân khẩu của khu dân cư 7.

Khu dân cư số 4 có diện tích tự nhiên là 5,10 ha; 292 hộ gia đình, 839 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 5; Tây giáp Phường Nguyễn Trãi; Nam giáp khu dân cư số 3; Bắc giáp Phường Trần Hưng Đạo.

d) Thành lập **Khu dân cư số 5** trên cơ sở nhập một phần 1,30 ha diện tích tự nhiên; 134 hộ gia đình, 445 nhân khẩu của khu dân cư 6 với toàn bộ 3,70 ha diện tích tự nhiên; 175 hộ gia đình, 615 nhân khẩu của khu dân cư 8.

Khu dân cư số 5 có diện tích tự nhiên là 5,0 ha; 309 hộ gia đình, 1.060 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Trần Hưng Đạo; Tây giáp khu dân cư số 4; Nam giáp khu dân cư số 3 và khu dân cư số 6; Bắc giáp Phường Trần Hưng Đạo.

đ) Thành lập **Khu dân cư số 6** trên cơ sở nhập một phần 3.20 ha diện tích tự nhiên; 121 hộ gia đình, 456 nhân khẩu của khu dân cư 10 với toàn bộ 11,0 ha diện tích tự nhiên; 190 hộ gia đình, 633 nhân khẩu của khu dân cư 9.

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên 14,2 ha; 311 hộ gia đình, 1.089 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp phường Hải Tân và khu dân cư số 7; Tây giáp Phường Lê Thanh Nghị; Nam giáp phường Hải Tân; Bắc giáp Phường Trần Hưng Đạo.

e) Thành lập **Khu dân cư số 7** trên cơ sở nhập một phần 1,0 ha diện tích tự nhiên; 62 hộ gia đình, 234 nhân khẩu của khu dân cư 10 với toàn bộ 5,60 ha diện tích tự nhiên; 265 hộ gia đình và 750 nhân khẩu của khu dân cư 11.

Khu dân cư số 7 có diện tích tự nhiên là 6,60 ha; 327 hộ gia đình, 984 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Trần Hưng Đạo; Tây giáp phường Hải Tân và khu dân cư số 6; Nam giáp phường Ngọc Châu; Bắc giáp Phường Trần Hưng Đạo.

g) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, Phường Trần Phú có 7 khu dân cư gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7.

2. Phường Nguyễn Trãi: Thành lập 08 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 1** trên cơ sở nhập một phần 2,79 ha diện tích tự nhiên; 134 hộ gia đình, 311 nhân khẩu của khu dân cư 14 với toàn bộ 2,83 ha diện tích tự nhiên; 248 hộ gia đình, 745 nhân khẩu của khu dân cư 15

Khu dân cư số 1 có diện tích tự nhiên là 5,62 ha; 382 hộ gia đình, 1056 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Quang Trung; Tây và Bắc giáp phường Bình Hàn; Nam giáp khu dân cư số 2 và khu dân cư số 3.

b) Thành lập **Khu dân cư số 2** trên cơ sở nhập một phần một phần 0,27 ha diện tích tự nhiên; 36 hộ gia đình, 123 nhân khẩu của khu dân cư 11 với 1,87 ha diện tích tự nhiên; 95 hộ gia đình, 651 nhân khẩu của khu dân cư 14 và toàn bộ 4,24 ha diện tích tự nhiên; 230 hộ gia đình; 863 nhân khẩu của khu dân cư 13.

Khu dân cư số 2 có diện tích tự nhiên là 6,38ha; 361 hộ gia đình, 1673 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 1 mới; Tây giáp Phường Quang Trung; Nam giáp khu dân cư số 4; Bắc giáp khu dân cư số 1

c) Thành lập **Khu dân cư số 3** trên cơ sở nhập một phần 2,53 ha diện tích tự nhiên; 78 hộ gia đình, 200 nhân khẩu của khu dân cư 11 với toàn bộ 3,11 ha diện tích tự nhiên; 227 hộ gia đình, 849 nhân khẩu của khu dân cư 12.

Khu dân cư số 3 có diện tích tự nhiên là 5.64 ha; 305 hộ gia đình, 1049 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư 2; Tây giáp phường Bình Hàn; Nam giáp Viện Quân y 7; Bắc giáp khu dân cư số 1.

d) Thành lập **Khu dân cư số 4** trên cơ sở nhập một phần 0,06 ha diện tích tự nhiên; 20 hộ gia đình, 44 nhân khẩu của khu dân cư 11 với toàn bộ 1,77 ha diện tích tự nhiên; 130 hộ gia đình, 480 nhân khẩu của khu dân cư 10 với toàn bộ 8,21 ha diện tích tự nhiên; 163 hộ gia đình, 552 nhân khẩu của khu dân cư 9.

Khu dân cư số 4 có diện tích tự nhiên là 10,04 ha; 313 hộ gia đình, 1076 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Quang Trung; Tây giáp khu dân cư số 3, khu dân cư số 5; Nam giáp khu dân cư số 8; Bắc giáp khu dân cư số 2.

đ) Thành lập **Khu dân cư số 5** trên cơ sở nhập một phần 1,27 ha diện tích tự nhiên; 56 hộ gia đình, 199 nhân khẩu của khu dân cư 6 và một phần 3,91 ha diện tích tự nhiên; 54 hộ gia đình, 137 nhân khẩu của khu dân cư 7 với toàn bộ 2,51 ha diện tích tự nhiên; 178 hộ gia đình, 612 nhân khẩu của khu dân cư 8

Khu dân cư số 5 có diện tích tự nhiên là 7,69 ha; 288 hộ gia đình, 948 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 6 và khu dân cư số 8; Tây giáp Phường Phạm Ngũ Lão và Phường Bình Hàn; Nam giáp Phường Phạm Ngũ Lão và Phường Nguyễn Trãi; Bắc giáp khu dân cư số 3 và khu dân cư số 4

e) Thành lập **Khu dân cư số 6** trên cơ sở nhập một phần 0,13 ha diện tích tự nhiên; 84 hộ gia đình, 300 nhân khẩu của khu dân cư 6 với toàn bộ 2,31 ha diện tích tự nhiên; 186 hộ gia đình, 619 nhân khẩu của khu dân cư 2.

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên là 2,44 ha; 270 hộ gia đình, 919 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 7; Tây giáp Phường Phạm Ngũ Lão và khu dân cư số 8; Nam giáp phường Phạm Ngũ Lão; Bắc giáp khu dân cư số 5.

g) Thành lập **Khu dân cư 7** trên cơ sở nhập một phần 1,20 ha diện tích tự nhiên; 120 hộ gia đình, 334 nhân khẩu của khu dân cư 3 và một phần 1,43 ha diện tích tự nhiên; 73 hộ gia đình, 282 nhân khẩu của khu dân cư 1 với toàn bộ 1,09 ha diện tích tự nhiên; 141 hộ gia đình, 421 nhân khẩu của khu dân cư 4.

Khu dân cư số 7 có diện tích tự nhiên là 3,72 ha; 334 hộ gia đình, 1037 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 8; Tây giáp khu dân cư số 6; Nam giáp Phường Phạm Ngũ Lão; Bắc giáp khu dân cư số 8.

h) Thành lập **Khu dân cư số 8** trên cơ sở nhập một phần 0,36 ha diện tích tự nhiên; 41 hộ gia đình, 120 nhân khẩu của khu dân cư 7; một phần 0,39 ha diện tích tự nhiên; 45 hộ gia đình, 167 nhân khẩu của khu dân cư 3; một phần 10,55 ha diện tích tự nhiên; 64 hộ gia đình, 250 nhân khẩu của khu dân cư 1 và toàn bộ 2,08 ha diện tích tự nhiên; 141 hộ gia đình, 567 nhân khẩu của khu dân cư 5.

Khu dân cư số 8 có diện tích tự nhiên là 13,38 ha; 291 hộ gia đình, 1104 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Trần Phú và Phường Trần Hưng Đạo; Tây giáp khu dân cư số 5 và Khu dân cư số 7; Nam giáp Phường Phạm Ngũ Lão; Bắc giáp khu dân cư số 8.

i) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, Phường Nguyễn Trãi có 8 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8.

3. Phường Bình Hàn: Thành lập 04 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 1** trên cơ sở nhập một phần 1,21ha diện tích tự nhiên; 151 hộ gia đình, 576 nhân khẩu của khu dân cư 18 với toàn bộ 5,19ha diện tích tự nhiên; 385 hộ gia đình, 1.437 nhân khẩu của khu dân cư 1.

Khu dân cư số 1 có diện tích tự nhiên là 6,40ha; 536 hộ gia đình, 2013 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Nguyễn Trãi; Tây giáp Phường Phạm Ngũ Lão và khu dân cư số 17; Nam giáp Phường Phạm Ngũ Lão; Bắc giáp khu dân cư số 2.

b) Thành lập **Khu dân cư số 6** trên cơ sở nhập một phần 3,66 ha diện tích tự nhiên; 99 hộ gia đình, 455 nhân khẩu của khu dân cư 5 với toàn bộ 5,23 ha diện tích tự nhiên; 266 hộ gia đình, 1215 nhân khẩu của khu dân cư 6.

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên 8,89 ha; 365 hộ gia đình, 1670 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Nguyễn Trãi; Tây giáp khu dân cư số 8; Nam giáp khu dân cư số 2; Bắc giáp khu dân cư số 13 và khu dân cư số 4.

c) Thành lập **Khu dân cư số 8** trên cơ sở nhập một phần 0,97 ha diện tích tự nhiên; 156 hộ gia đình, 328 nhân khẩu của khu dân cư 5 với toàn bộ 7,26 ha diện tích tự nhiên; 209 hộ gia đình, 855 nhân khẩu của khu dân cư 8.

Khu dân cư số 8 có diện tích tự nhiên 8,23ha; 365 hộ gia đình, 1183 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 2 và khu dân cư số 7; Tây giáp phường Cẩm Thượng; Nam giáp khu dân cư số 5; Bắc giáp phường Cẩm Thượng.

d) Thành lập **Khu dân cư số 13** trên cơ sở nhập toàn bộ 7,46 ha diện tích tự nhiên; 214 hộ gia đình, 661 nhân khẩu của khu dân cư 14 với toàn bộ 7,53 ha diện tích tự nhiên; 230 hộ gia đình, 1251 nhân khẩu của khu dân cư 13

Khu dân cư số 13 có diện tích tự nhiên 14,99 ha; 444 hộ gia đình, 1912 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 10; Tây giáp khu dân cư số 4; Nam giáp khu dân cư số 6; Bắc giáp khu dân cư số 11.

đ) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, phường Bình Hàn có 16 khu dân cư gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8, Khu dân cư số 9, Khu dân cư số 10, Khu dân cư số 11, Khu dân cư số 12, Khu dân cư số 13, Khu dân cư số 15, Khu dân cư số 16, Khu dân cư số 17, Khu dân cư số 19.

4. Phường Trần Hưng Đạo: Thành lập 05 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 2** trên cơ sở nhập một phần 1,70 ha diện tích đất tự nhiên; 103 hộ gia đình, 367 nhân khẩu của khu dân cư 7 với toàn bộ 5,60 ha diện tích tự nhiên; 149 hộ gia đình, 471 nhân khẩu của khu dân cư 6.

Khu dân cư số 2 có diện tích tự nhiên 7,30 ha; 252 hộ gia đình, 838 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp phường Ngọc Châu; Tây giáp khu dân cư số 3; Nam giáp sông Sắt và khu dân cư số 1; Bắc giáp phường Nhị Châu.

b) Thành lập **Khu dân cư số 3** trên cơ sở nhập một phần 2,20 ha diện tích đất tự nhiên; 112 hộ gia đình, 300 nhân khẩu của khu dân cư 7 với toàn bộ 4,70 ha diện tích tự nhiên; 138 hộ gia đình, 616 nhân khẩu của khu dân cư 8.

Khu dân cư số 3 có diện tích tự nhiên 6,90 ha; 250 hộ gia đình, 916 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 2; Tây giáp Phường Quang Trung và khu dân cư số 4, khu dân cư số 5; Nam giáp sông Sắt và Phường Trần Phú; Bắc giáp Phường Quang Trung.

c) Thành lập **Khu dân cư số 4** trên cơ sở nhập một phần 1,0 ha diện tích đất tự nhiên; 25 hộ gia đình, 120 nhân khẩu của khu dân cư 11 với toàn bộ 3,9 ha diện tích tự nhiên; 228 hộ gia đình, 816 nhân khẩu của khu dân cư 9.

Khu dân cư số 4 có diện tích tự nhiên 4,90 ha; 253 hộ gia đình, 936 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 3 và Phường Quang Trung; Tây giáp khu dân cư số 6, Nam giáp khu dân cư số 5 và khu dân cư số 6, Bắc giáp Phường Quang Trung và Phường Nguyễn Trãi.

d) Thành lập **Khu dân cư số 5** trên cơ sở nhập một phần 2,10 ha diện tích tự nhiên; 136 hộ gia đình, 491 nhân khẩu của khu dân cư số 11 với toàn bộ 3,20 ha diện tích tự nhiên; 124 hộ gia đình, 476 nhân khẩu của khu dân cư 10.

Khu dân cư số 5 có diện tích tự nhiên 5,30 ha; 260 hộ gia đình, 967 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 3 và khu dân cư số 4, Tây giáp khu dân cư số 6; Nam giáp khu dân cư số 6 và Phường Trần Phú; Bắc giáp khu dân cư số 4.

đ) Thành lập **Khu dân cư số 6** trên cơ sở nhập toàn bộ 2,90 ha diện tích tự nhiên; 127 hộ gia đình, 382 nhân khẩu của khu dân cư 12 với toàn bộ 2,20 ha diện tích tự nhiên; 123 hộ gia đình, 360 nhân khẩu của khu dân cư 13.

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên 5,10 ha; 250 hộ gia đình với 742 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 5; Tây giáp Phường Trần Phú; Nam giáp Phường Trần Phú; Bắc giáp khu dân cư số 4

e) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, Phường Trần Hưng Đạo có 6 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6.

5. Phường Tân Bình: Thành lập 02 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 2** trên cơ sở nhập một phần 2,06 ha diện tích tự nhiên; 59 hộ gia đình, 212 nhân khẩu của khu dân cư 12 với toàn bộ 6,76ha diện tích đất tự nhiên; 320 hộ gia đình, 1.115 nhân khẩu của khu dân cư 2.

Khu dân cư số 2 có diện tích tự nhiên 8,82ha; 379 hộ gia đình, 1.327 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Lê Thanh Nghị; Tây giáp khu dân cư số 3; Nam giáp đường Trường Chinh; Bắc giáp đường Nguyễn Văn Linh.

b) Thành lập **Khu dân cư số 5** trên cơ sở nhập một phần 3,34 ha diện tích tự nhiên; 108 hộ gia đình, 304 nhân khẩu của khu dân cư 12 với toàn bộ 15,13ha diện tích tự nhiên; 360 hộ gia đình, 1.350 nhân khẩu của khu dân cư số 5.

Khu dân cư số 5 có diện tích đất tự nhiên của là 18,47 ha; 468 hộ gia đình, 1.654 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Lê Thanh Nghị; Tây giáp khu dân cư số 6; Nam giáp khu dân cư số 10 và khu dân cư số 11; Bắc giáp đường Trường Chinh.

c) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, phường Tân Bình có 11 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8, Khu dân cư số 9, Khu dân cư số 10, Khu dân cư số 11.

6. Phường Phạm Ngũ Lão: Thành lập 06 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 2** trên cơ sở nhập toàn bộ 5,70 ha diện tích đất tự nhiên; 170 hộ gia đình, 637 nhân khẩu của khu dân cư 2 với toàn bộ 2,60 ha diện tích đất tự nhiên; 187 hộ gia đình, 845 nhân khẩu của khu dân cư 3.

Khu dân cư số 2 có diện tích tự nhiên là 8,30 ha; 357 hộ gia đình với 1482 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 3; Tây giáp khu dân cư số 10; Nam giáp khu dân cư số 9; Bắc giáp khu dân cư số 1.

b) Thành lập **Khu dân cư số 6** trên cơ sở nhập toàn bộ 1,20 ha diện tích đất tự nhiên; 85 hộ gia đình, 319 nhân khẩu của khu dân cư 8 với toàn bộ 2,65 ha diện tích tự nhiên; 185 hộ gia đình, 834 nhân khẩu của khu dân cư 7.

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên 3,85 ha; 270 hộ gia đình với 1153 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Trần Phú; Tây giáp khu dân cư 10; Nam giáp khu dân cư số 9; Bắc giáp khu dân cư số 1.

c) Thành lập **Khu dân cư số 7** trên cơ sở nhập toàn bộ 3,40 ha diện tích tự nhiên; 84 hộ gia đình, 210 nhân khẩu của khu dân cư 10 với toàn bộ 2,50 ha diện tích tự nhiên; 187 hộ gia đình, 655 nhân khẩu của khu dân cư 9

Khu dân cư số 7 có diện tích tự nhiên 5,90 ha; 271 hộ gia đình với 865 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 6; Tây giáp phường Tân Bình; Nam giáp Phường Lê Thanh Nghị; Bắc giáp khu dân cư số 8.

d) Thành lập **Khu dân cư số 8** trên cơ sở nhập toàn bộ 2,70 ha diện tích tự nhiên; 135 hộ gia đình, 540 nhân khẩu của khu dân cư 14 với toàn bộ 3,10 ha diện tích tự nhiên; 188 hộ gia đình, 788 nhân khẩu của khu dân cư 11.

Khu dân cư số 8 có diện tích tự nhiên là 5,80 ha; 323 hộ gia đình với 1328 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 5; Tây giáp khu dân cư số 10 và phường Tân Bình; Nam giáp khu dân cư số 7 và khu dân cư số 6; Bắc giáp khu dân cư số 9.

đ) Thành lập **Khu dân cư số 9** trên cơ sở nhập toàn bộ 3,65 ha diện tích tự nhiên; 193 hộ gia đình, 637 nhân khẩu của khu dân cư 12 với toàn bộ 3,0 ha diện tích tự nhiên; 202 hộ gia đình; 967 nhân khẩu của khu dân cư 13.

Khu dân cư số 9 có diện tích tự nhiên 6,65 ha; 395 hộ gia đình với 1604 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 3 và khu dân cư số 5; Tây giáp khu dân cư số 10; Nam giáp khu dân cư số 8; Bắc giáp khu dân cư 2.

e) Thành lập **Khu dân cư số 11** Phường Phạm Ngũ Lão trên cơ sở nhập một phần 4,82ha diện tích tự nhiên; 117 hộ gia đình, 363 nhân khẩu của khu dân cư 15 với toàn bộ 5,54ha diện tích tự nhiên; 202 hộ gia đình, 725 nhân khẩu của khu dân cư 16.

Khu dân cư số 11 có diện tích tự nhiên là 10.36ha; 319 hộ gia đình với 1088 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp phường Tân Bình; Tây giáp khu dân cư số 10; Nam giáp phường Tân Bình; Bắc giáp phường Bình Hàn và phường Thanh Bình.

g) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, Phường Phạm Ngũ Lão có 11 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8, Khu dân cư số 9, Khu dân cư số 10, Khu dân cư số 11.

7. Phường Ngọc Châu: Thành lập 02 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 8** trên cơ sở nhập toàn bộ 4,70 ha diện tích tự nhiên; 166 hộ gia đình, 620 nhân khẩu của khu dân cư 8 với toàn bộ 5,30 ha diện tích tự nhiên; 208 hộ gia đình, 821 nhân khẩu của khu dân cư 9.

Khu dân cư số 8 có diện tích tự nhiên: 10,0 ha; 374 hộ gia đình với 1.441 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp đê sông Thái Bình; Tây giáp đường Nguyễn Hữu Cầu; Nam giáp đường Nguyễn Văn Thịnh và khu dân cư số 10; Bắc giáp khu dân cư số 5.

b) Thành lập **Khu dân cư 19** trên cơ sở nhập 1,30 ha diện tích tự nhiên; 145 hộ gia đình, 569 nhân khẩu của khu dân cư 20 với toàn bộ 1,30 ha diện tích tự nhiên; 160 hộ gia đình, 580 nhân khẩu của khu dân cư 19.

Khu dân cư số 19 có diện tích tự nhiên là 2,60 ha; 305 hộ gia đình, 1.149 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 8; Tây giáp đường

Nguyễn Hữu cầu; Nam giáp khu dân cư số 8; Bắc giáp khu dân cư số 5.

c) Sau khi thành lập khu dân cư mới phường Ngọc Châu có 14 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8, Khu dân cư số 10, Khu dân cư số 11, Khu dân cư số 12, Khu dân cư số 13, Khu dân cư số 15, Khu dân cư số 16, Khu dân cư số 17, Khu dân cư số 18, Khu dân cư số 19, Khu dân cư số 20.

8. Phường Nhị Châu: Thành lập 01 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 6** trên cơ sở nhập 24,72 ha diện tích tự nhiên; 75 hộ gia đình, 220 nhân khẩu của khu dân cư 21 với toàn bộ 19,59 ha diện tích tự nhiên; 78 hộ gia đình, 351 nhân khẩu của tiểu khu Phú Bình thuộc khu dân cư 3

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên là 44,31 ha; 153 hộ gia đình với 571 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp sông Thái Bình; Tây giáp Phường Quang Trung; Nam giáp đường sắt, với các khu dân cư số 4 và khu dân cư số 5; Bắc giáp đường 5A các khu dân cư số 1, khu dân cư số 2 và khu dân cư số 3.

b) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, phường Nhị Châu có 6 khu dân cư gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6.

9. Phường Lê Thanh Nghị: Thành lập 07 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư số 1** trên cơ sở nhập một phần 2,91 ha diện tích tự nhiên; 110 hộ gia đình, 395 nhân khẩu của khu dân cư 3 với toàn bộ 6,75 ha diện tích tự nhiên; 94 hộ gia đình, 337 nhân khẩu của khu dân cư 1 và toàn bộ 7,90 ha diện tích tự nhiên; 133 hộ gia đình, 442 nhân khẩu của khu dân cư 2.

Khu dân cư số 1 có diện tích tự nhiên là 17,56 ha; 337 hộ gia đình, 1174 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 3, khu dân cư số 4 và phường Hải Tân; Tây giáp khu dân cư số 2; Nam giáp phường Hải Tân; Bắc giáp khu dân cư số 5.

b) Thành lập **Khu dân cư số 3** trên cơ sở nhập toàn bộ 4,98 ha diện tích tự nhiên; 155 hộ gia đình, 457 nhân khẩu của khu dân cư 14 với toàn bộ 7,79 ha diện tích tự nhiên; 164 hộ gia đình, 555 nhân khẩu của khu dân cư 13

Khu dân cư số 3 có diện tích tự nhiên là 12,77 ha; 319 hộ gia đình, 1012 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp phường Hải Tân; Tây giáp khu dân cư số 1; Nam giáp khu dân cư số 1; Bắc giáp khu dân cư số 4 và khu dân cư số 8.

c) Thành lập **Khu dân cư số 4** trên cơ sở nhập một phần 0,4 ha diện tích tự nhiên; 17 hộ gia đình, 51 nhân khẩu của khu dân cư 3 và toàn bộ 2,25 ha diện tích tự nhiên; 107 hộ gia đình, 397 nhân khẩu của khu dân cư 15 với toàn bộ 2,47 ha diện tích tự nhiên; 156 hộ gia đình, 571 nhân khẩu của khu dân cư 16

Khu dân cư số 4 có diện tích tự nhiên 5,12 ha; 280 hộ gia đình, 1019 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 3; Tây giáp khu dân cư số

T; Nam giáp khu dân cư số 3; Bắc giáp khu dân cư số 5, khu dân cư số 7 và khu dân cư số 8.

d) Thành lập Khu dân cư số 5 trên cơ sở nhập một phần 4,40 ha diện tích tự nhiên; 82 hộ gia đình, 302 nhân khẩu của khu dân cư 5 và toàn bộ 3,48 ha diện tích tự nhiên; 105 hộ gia đình, 357 nhân khẩu của khu dân cư 4 với toàn bộ 6,07 ha diện tích tự nhiên; 104 hộ gia đình, 364 nhân khẩu của khu dân cư 6.

Khu dân cư số 5 có diện tích tự nhiên là 13,95 ha; 291 hộ gia đình, 1023 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 8 và phường Trần Phú; Tây giáp phường Tân Bình; Nam giáp khu dân cư số 1, khu dân cư số 4 và khu dân cư số 7; Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Trần Phú.

đ) Thành lập Khu dân cư số 6 trên cơ sở nhập toàn bộ 1,52 ha diện tích tự nhiên; 147 hộ gia đình, 438 nhân khẩu của khu dân cư 11 với toàn bộ 2,15 ha diện tích tự nhiên; 126 hộ gia đình, 391 nhân khẩu của khu dân cư 12 và toàn bộ 11,60 ha diện tích tự nhiên; 130 hộ gia đình, 407 nhân khẩu của khu dân cư 10.

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên là 15,27 ha; 403 hộ gia đình, 1236 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Phường Trần Phú; Tây giáp khu dân cư số 8 và Phường Trần Phú; Nam giáp khu dân cư số 8; Bắc giáp Phường Trần Phú.

e) Thành lập Khu dân cư số 7 trên cơ sở nhập một phần 0,88 ha diện tích tự nhiên; 10 hộ gia đình, 30 nhân khẩu của khu dân cư 5 với toàn bộ 9,86 ha diện tích tự nhiên; 311 hộ gia đình, 1134 nhân khẩu của khu dân cư 7.

Khu dân cư số 7 có diện tích tự nhiên là 10,74 ha; 321 hộ gia đình, 1164 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 8; Tây giáp khu dân cư số 5; Nam giáp khu dân cư số 4; Bắc giáp khu dân cư số 5.

g) Thành lập Khu dân cư số 8 trên cơ sở nhập toàn bộ 4,33 ha diện tích tự nhiên; 126 hộ gia đình, 421 nhân khẩu của khu dân cư 8 với toàn bộ 4,86 ha diện tích tự nhiên; 128 hộ gia đình, 427 nhân khẩu của khu dân cư 9.

Khu dân cư số 8 có diện tích tự nhiên là 9,19 ha; 254 hộ gia đình, 848 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 6; Tây giáp khu dân cư số 7; Nam giáp khu dân cư số 3, khu dân cư số 4 và phường Hải Tân; Bắc giáp khu dân cư số 5 và Phường Trần Phú.

h) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, Phường Lê Thanh Nghị có 08 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8.

10. Phường Quang Trung: Thành lập 06 khu dân cư mới

a) Thành lập Khu dân cư số 1 trên cơ sở nhập toàn bộ 1,96 ha diện tích tự nhiên; 215 hộ gia đình, 1.185 nhân khẩu của khu dân cư 1 với toàn bộ 2,51 ha diện tích tự nhiên; 110 hộ gia đình, 414 nhân khẩu của khu dân cư 3.

Khu dân cư số 1 có diện tích tự nhiên là 4,47 ha; 325 hộ gia đình, 1.599 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp Đường Thanh Niên; Tây giáp khu dân cư số 4; Nam giáp Phường Trần Hưng Đạo; Bắc giáp khu dân cư số 2.

b) Thành lập **Khu dân cư 3** trên cơ sở nhập toàn bộ 2,53 ha diện tích tự nhiên; 213 hộ gia đình, 750 nhân khẩu của khu dân cư 6 với toàn bộ 4,17ha diện tích tự nhiên; 269 hộ gia đình, 1.051 nhân khẩu của khu dân cư 5.

Khu dân cư số 3 có diện tích tự nhiên là 6,70 ha; 482 hộ gia đình, 1.801 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 7; Tây giáp đường Hồng Quang; Nam giáp khu dân cư số 4; Bắc giáp khu dân cư số 5.

c) Thành lập các **Khu dân cư số 5** trên cơ sở nhập toàn bộ 1,52 ha diện tích tự nhiên; 98 hộ gia đình, 390 nhân khẩu của khu dân cư 10 với toàn bộ 3,56 ha diện tích tự nhiên; 219 hộ gia đình, 957 nhân khẩu của khu dân cư 9

Khu dân cư số 5 có diện tích tự nhiên là 5,08 ha; 317 hộ gia đình, 1.347 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 6; Tây giáp đường Hồng Quang; Nam giáp khu dân cư số 3; Bắc giáp khu dân cư số 6.

d) Thành lập **Khu dân cư số 6** trên cơ sở nhập toàn bộ 2,15 ha diện tích tự nhiên; 135 hộ gia đình, 586 nhân khẩu của khu dân cư 11 với toàn bộ 2,38 ha diện tích tự nhiên; 187 hộ gia đình, 738 nhân khẩu của khu dân cư 12.

Khu dân cư số 6 có diện tích tự nhiên 4,53 ha; 322 hộ gia đình, 1.324 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 9; Tây giáp Phường Nguyễn Trãi; Nam giáp khu dân cư 5; Bắc giáp Phường Bình Hàn.

đ) Thành lập **Khu dân cư số 9** trên cơ sở nhập toàn bộ 3,30 ha diện tích tự nhiên; 177 hộ gia đình, 662 nhân khẩu của khu dân cư 13 với 3,98 ha diện tích tự nhiên; 183 hộ gia đình, 611 nhân khẩu của khu dân cư 17.

Khu dân cư số 9 có diện tích tự nhiên là 7,28 ha; 360 hộ gia đình, 1.273 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp đường Thanh Niên; Tây giáp khu dân cư số 6; Nam giáp khu dân cư số 8; Bắc giáp khu dân cư số 10.

e) Thành lập **Khu dân cư số 10** trên cơ sở nhập toàn bộ 1,44 ha diện tích tự nhiên; 128 hộ gia đình, 586 nhân khẩu của khu dân cư 14 với toàn bộ 2,48 ha diện tích tự nhiên; 224 hộ gia đình, 759 nhân khẩu của khu dân cư 15.

Khu dân cư số 10 có diện tích tự nhiên 3,92 ha; 352 hộ gia đình, 1.345 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp phường Nhị Châu; Tây giáp phường Bình Hàn; Nam giáp khu dân cư số 9; Bắc giáp phường Bình Hàn.

g) Sau khi thành lập các khu dân cư mới, Phường Quang Trung có 11 khu dân cư, gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư số 4, Khu dân cư số 5, Khu dân cư số 6, Khu dân cư số 7, Khu dân cư số 8, Khu dân cư số 9, Khu dân cư số 10, Khu dân cư số 11.

11. Phường Thạch Khê: Thành lập 01 khu dân cư mới

a) Thành lập **Khu dân cư Thái Bình** trên cơ sở nhập toàn bộ 15,81 ha; 150 hộ gia đình, 629 nhân khẩu của khu dân cư Thái Bình với toàn bộ 33,31ha diện tích tự nhiên; 113 hộ gia đình, 454 nhân khẩu của khu dân cư 3.

Khu dân cư Thái Bình có diện tích tự nhiên là 49,12 ha; 263 hộ gia đình, 1083 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp khu dân cư số 2 và xã Gia

Xuyên (huyện Gia Lộc); Tây giáp khu dân cư Nguyễn Xá; Nam giáp xã Gia Xuyên (huyện Gia Lộc); Bắc giáp khu dân cư Trần Nội.

b) Sau khi thành lập khu dân cư mới, phường Thạch Khê có 09 khu dân cư gồm: Khu dân cư số 1, Khu dân cư số 2, Khu dân cư số 3, Khu dân cư Thái Bình, Khu dân cư Nguyễn Xá, Khu dân cư Trần Nội, Khu dân cư Lễ Quán, Khu dân cư Phú Thọ, Khu dân cư Phú Tảo.

12. Xã Thượng Đạt: Thành lập 02 thôn mới

a) Thành lập **Thôn Nam Thượng** trên cơ sở nhập toàn bộ 14,35 ha diện tích tự nhiên; 116 hộ gia đình, 443 nhân khẩu của thôn Thượng Triệt 2 với toàn bộ 21,28 ha diện tích tự nhiên; 118 hộ gia đình, 419 nhân khẩu của thôn Nam Giàng.

Thôn Nam Thượng có diện tích tự nhiên là 35,63 ha; 234 hộ gia đình, 862 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp thôn Thượng Triệt; Tây giáp xã Minh Tân (huyện Nam Sách); Nam giáp sông Thái Bình; Bắc giáp xã Hồng Phong (huyện Nam Sách).

b) Thành lập **Thôn Trà Tân** trên cơ sở nhập toàn bộ 7,10 ha diện tích tự nhiên; 118 hộ gia đình, 445 nhân khẩu của thôn Tân Lập với 19,86 ha diện tích đất tự nhiên; 138 hộ gia đình, 511 nhân khẩu của thôn Thụy Trà.

Thôn Trà Tân có diện tích tự nhiên 26,96 ha; 256 hộ gia đình, 956 nhân khẩu. Vị trí địa lý, ranh giới: Đông giáp thôn Trác Châu xã An Châu; Tây giáp thôn Thượng Triệt; Nam giáp sông Thái Bình; Bắc giáp xã An Châu.

c) Sau khi thành lập các thôn mới, xã Thượng Đạt có 4 thôn gồm: Nam Thượng, Trà Tân, Thượng Triệt, Đông Giàng.

13. Sau khi thành lập 50 thôn mới, khu dân cư mới, thành phố Hải Dương có 189 thôn, khu dân cư (20 thôn, 169 khu dân cư).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương, các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Trung tâm CNTT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



Nguyễn Dương Thái

